

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020 /HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7- 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T N M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh L A.

Bị đơn: Anh L T P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp A, xã L H huyện B L, tỉnh L A.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N T N M trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:

Chị N T N M và anh L T P chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của chị M tại xã L H. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng hạnh phúc được 3-4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P đi làm thường không về nhà, có khi đi 1-2 ngày mới về nhưng không báo là đi đâu, từ đó dẫn đến cãi vã nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Chị M xét thấy không còn tình cảm với anh P và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị M và anh P chung sống có 02 con chung tên N T N T, sinh ngày 20/9/2000 và L H T, sinh ngày 08/5/2008. Hiện tại chị M đang nuôi cháu L H T. Sau khi ly hôn, về con chung chị M yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Bị đơn anh L T P trình bày: Anh chung sống với chị M vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện Bến Lức vào năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là mỗi khi anh đi làm về không có chị M ở nhà, anh cũng thường đi vắng nhà, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung đúng như lời trình bày của chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý để cháu L H T, sinh ngày 08/5/2008 cho chị M nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vào năm 2017 anh có phụ với chị M 100.000.000 đồng để sửa chữa nhà anh yêu cầu chị M phải hoàn trả 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị N T N M khởi kiện ly hôn với anh L T P. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị N T N M, anh L T P chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 04/2008 ngày 16/01/2008. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị N T N M đối với anh L T P. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Chị M xin ly hôn, anh P đồng ý, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T N M.

[4] Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu được nuôi cháu L H T, sinh ngày 08/5/2008. Xét thấy cháu T từ khi sinh ra đến nay chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, và cháu T có nguyện vọng sống với chị M do đó chị M yêu cầu được nuôi con là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Chị M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, anh P đồng ý do đó anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[6] Tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa anh P yêu cầu chị M phải trả số tiền 100.000.000 đồng tiền phụ sửa chữa nhà, xét thấy từ khi nhận thông thụ lý vụ án anh P không có yêu cầu về tài sản, tại phiên tòa mới phát sinh yêu cầu do đó cần tách giải quyết yêu cầu về phần tài sản của anh P thành một vụ án khi có đơn khởi kiện của anh P.

Về nợ chung: Chị Mai, anh P xác định không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Thanh Hằng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N T N M với anh L T P.

1. Về hôn nhân: Cho chị N T N M được ly hôn với anh L T P.

2. Về nuôi con chung: Chị N T N M và anh L T P có 02 con chung tên N T N T, sinh ngày 20/9/2000 và L H T, sinh ngày 08/5/2008. Về con chung cháu N T N T đã trưởng thành. Giao con chung L H T, sinh ngày 08/5/2008 cho chị N T N M trực tiếp nuôi dưỡng, anh L T P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị N T N M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị Mai đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02028 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước. Anh L T P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự
- UBND xã L H
- Lưu HS, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự
- UBND xã An Thạnh
- Lưu HS, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Thị Bích Loan - Nguyễn Thị Hương

Huỳnh Thị Hoàng